

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 286/2024/DS-ST

Ngày: 23-8-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hữu Tấn.

Ông Trần Thanh Việt.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Trần Yến Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2024/TLST- DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 508/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần S1.

Trụ sở: Số B - B N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Đức Thạch D: Ông Nguyễn Chí T – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh A (Theo Quyết định số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Chí T: Ông Trần Văn S – Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ - Phòng Kiểm soát rủi ro – Chi nhánh A (Theo Giấy ủy quyền ngày 07/5/2024). (Có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Phạm Văn N, sinh năm 1988. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, tổ A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Văn S trình bày:

Ngày 04/11/2022, Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (viết tắt là Ngân hàng) và ông N có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) số 4846879/11/2022/AG. Căn cứ thu thập của ông N, Ngân hàng đã cấp tín dụng hạn mức 50.000.000 đồng cho ông N, mục đích vay: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N thực hiện giao dịch với tổng số tiền 136.984.215 đồng, ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 74.979.236 đồng. Từ tháng 3/2024 thì ông N không thực hiện việc thanh toán, Ngân hàng có nhắc nhở nhưng ông N không có thiện chí trả nợ và vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 08/5/2024, ông N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 52.457.303 đồng (trong đó nợ gốc: 48.309.008 đồng, lãi trong hạn: 2.765.530 đồng, lãi quá hạn: 1.382.765 đồng)

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S1 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/5/2024 là 52.457.303 đồng trong đó vốn gốc là 48.309.008 đồng; lãi 4.148.295 đồng và ông N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 08/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 1.655.062 đồng. Tính đến ngày xét xử (ngày 23/8/2024), ông N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 59.286.618 đồng.

- Bị đơn ông Phạm Văn N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận ý kiến về nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 1.655.062 đồng, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bị đơn ông Phạm Văn N trả cho Ngân hàng số tiền nợ 46.653.946 đồng, lãi quá hạn và phí theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) số 4846879/11/2022/AG ngày 04/11/2022. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông N còn phải tiếp tục thanh toán lãi, phí phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (viết tắt là Ngân hàng) do bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông Nguyễn Chí T – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh A (Theo Quyết định số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023). Ông Nguyễn Chí T ủy quyền cho ông Trần Văn S – Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ - Phòng Kiểm soát rủi ro – Chi nhánh A (Theo Giấy uỷ quyền ngày 07/5/2024).

Thủ tục ủy quyền trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận ông S tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[2] Ngân hàng khởi kiện ông N yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) số 4846879/11/2022/AG ngày 04/11/2022. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ngân hàng khởi kiện ông Phạm Văn N. Ông N có nơi cư trú tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Căn cứ Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[4] Bị đơn ông Phạm Văn N đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông N vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông N.

- Về nội dung:

[5] Tại phiên tòa, ông S là người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng xác định rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 1.655.062 đồng. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[6] Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) số 4846879/11/2022/AG ngày 04/11/2022 giữa Ngân hàng và ông N được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng theo quy định tại các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng

ông N không tham gia và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm cơ sở giải quyết vụ án

[7] Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía ông N đã không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N trả tổng số tiền 59.286.618 đồng (tính đến ngày 23/8/2024). Trong đó, nợ gốc 46.653.946 đồng, lãi quá hạn 10.984.672 đồng, phí thường niên 1.598.000 đồng, phí vượt hạn mức 50.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đồng thời, do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (23/8/2024) buộc ông N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 85, Điều 86, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 235, Khoản 2 Điều 244, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 463, Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S1 đối với số tiền nợ gốc 1.655.062 đồng (*Một triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, không trăm sáu mươi hai đồng*).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S1.

Buộc ông Phạm Văn N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S1 tổng số tiền 59.286.618 đồng (*Năm mươi chín triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm mười tám đồng*). Trong đó, nợ gốc 46.653.946 đồng, lãi quá hạn

10.984.672 đồng, phí thường niên 1.598.000 đồng, phí vượt hạn mức 50.000 đồng (tính đến ngày 23/8/2024).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (23/8/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) số 4846879/11/2022/AG ngày 04/11/2022. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Phạm Văn N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn N phải chịu 2.964.331 đồng án phí dân sự sơ thẩm (*Hai triệu, chín trăm sáu mươi bốn nghìn, ba trăm ba mươi một đồng*).

Ngân hàng thương mại cổ phần S1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.311.433 đồng (*Một triệu, ba trăm mười một nghìn, bốn trăm ba mươi ba đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002129 ngày 27/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Diệu Tiên